



**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

*Báo cáo Tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 25



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam theo Quyết định số 3587/QĐ-BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (tên giao dịch quốc tế là VIETNAM COTTON JOINT STOCK COMPANY - viết tắt là VCC) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007036: đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất và thương mại

### Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây lấy sợi: trồng bông vải; sản xuất giống bông, cây trồng nông nghiệp
- Sản xuất dầu mỡ động, thực vật
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, dịch vụ hỗ trợ trồng trọt khác.
- Sản xuất sợi: chế biến bông, sản phẩm bông sau thu hoạch
- Sản xuất vải dệt thoi: sản xuất sản phẩm dệt may; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sắt, thép, gang
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thiết bị phục vụ sản xuất bông
- Mua bán bông xơ, mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và Kỹ thuật: dịch vụ nghiên cứu và phát triển ngành khoa học tự nhiên, công nghệ, dịch vụ nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học nông nghiệp; khoa học công nghệ vào cuộc sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp
- Bán buôn vật liệu, phụ gia ngành xây dựng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Bán buôn nấm thương phẩm như nấm linh chi, nấm mèo, nấm bào ngư và các loại nấm khác.

Vốn điều lệ của Công ty: **50.000.000.000 VND** (Năm mươi tỉ đồng chẵn)

### Quy mô đầu tư

Tên	Địa chỉ
<b>Các đơn vị thành viên</b>	
Chi nhánh tại Gia Lai	Thôn 7, Xã IaBlang, huyện Chư Sê, Gia Lai
Xí nghiệp Dịch vụ thương mại ngành bông	115-17 Đường D2, Quận Bình Thạnh – Tp.HCM
Chi nhánh tại Phan Thiết	Lô 1/5 Khu công nghiệp, Phan Thiết, Bình Thuận
Chi nhánh tại Nha Trang	68A đường 2 tháng 4, Vĩnh Hải, Nha Trang
Chi nhánh tại Bình Dương	Ấp 2, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, Bình Dương
Chi nhánh tại Đồng Nai	Ấp Tân Thái, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

### Công ty liên kết

Công ty CP Sợi Phú Bài

### Vốn đầu tư

2.696.637.541 VND

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 9.312.379.521 VND. (Năm 2012 lợi nhuận sau thuế là 12.129.556.104 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 12.750.062.899 VND. (Năm 2012 lợi nhuận chưa phân phối là 15.213.469.614 VND).



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

#### Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Trần Anh Hào	Chủ tịch
Ông : Trần Thanh Hùng	Thành viên
Ông : Vũ Xuân Long	Thành viên
Ông : Hồ Đăng Phú	Thành viên
Ông : Nguyễn Hữu Thành	Thành viên

#### Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban kiểm soát
Ông : Lê Xuân Hòa	Thành viên
Bà: Bùi Thị Diệu Hương	Thành viên

#### Các thành viên của Ban giám đốc bao gồm:

Ông : Trần Anh Hào	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Dương Việt Thành	Giám đốc điều hành
Bà : Lê Thị Lý	Giám đốc điều hành
Bà : Nguyễn Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng

#### Sở hữu cổ phần của cổ đông tại ngày 31/12/2013:

Tên	Số cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng vốn đã góp
Vốn nhà nước tại Công ty	2.750.000	55,00 %
Chi nhánh Công ty Tài chính dệt may	30.000	0,60 %
Bà Chu Thị Phương Dung	128.000	2,56 %
Bà Hoàng Thị Băng Thanh	30.000	0,60 %
Bà Hoàng Thị Hương	65.400	1,31 %
Bà Hoàng Vinh Quang	20.000	0,40 %
Ông Hồ Văn Sáu	30.000	0,60 %
Bà Lê Hồng Mai	20.000	0,40 %
Bà Lê Thị Lý	26.300	0,53 %
Bà Lê Thị Thu	436.600	8,73 %
Bà Lê Thị Thu Hằng	49.500	0,99 %
Ông Lê Văn Lực	28.000	0,56 %
Ông Nguyễn Hữu Bình	40.000	0,80 %
Ông Nguyễn Thế Phú	62.500	1,25 %
Bà Nguyễn Thị Hằng	20.000	0,40 %
Bà Nguyễn Thị Thanh Sương	22.900	0,46 %
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	62.000	1,24 %
Ông Ngô Quang Thỏ	20.000	0,40 %
Ông Phạm Quang Tuấn	30.000	0,60 %



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên	Số cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng vốn đã góp
Ông Phạm Văn Dương	32.262	0,65 %
Bà Trịnh Thị Thanh Hà	20.000	0,40 %
Bà Đặng Phương Dung	20.000	0,40 %
Bà Đặng Thị Ngọc Hương	20.000	0,40 %
Willem Stuive	40.000	0,80 %
Và các cổ đông khác	996.538	19,93 %

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bông Việt Nam phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

TM. Hội đồng quản trị  
Chủ tịch

Trần Anh Hào





Số : 161 /BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Về báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ và Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung) được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam và các công ty con (Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ và Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**ĐỖ KHẮC THANH**

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

**LÊ VĂN TUẤN**

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2013-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>146.067.982.661</b>	<b>161.946.750.390</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		20.767.239.114	13.626.946.444
111	1. Tiền	03	16.817.239.114	10.056.946.444
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.950.000.000	3.570.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	04		
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		74.562.399.584	72.090.497.880
131	1. Phải thu khách hàng		66.370.294.720	51.653.472.152
132	2. Trả trước cho người bán		8.467.791.383	14.911.636.995
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	05	13.410.143.851	20.240.980.961
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(13.685.830.370)	(14.715.592.228)
140	IV. Hàng tồn kho		43.824.986.762	67.970.307.910
141	1. Hàng tồn kho	06	45.283.017.448	73.465.507.253
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.458.030.686)	(5.495.199.343)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.913.357.201	8.258.998.156
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		69.690.556	
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		572.477.511	775.611.677
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.748.693.763	3.047.242.595
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.522.495.371	4.436.143.884
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>62.906.483.155</b>	<b>68.923.944.458</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác	07		
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>49.244.083.655</b>	<b>49.445.895.808</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	39.075.420.590	40.349.652.027
222	- Nguyên giá		163.480.361.240	158.366.384.217
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(124.404.940.650)	(118.016.732.190)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	3.774.734.229	3.813.199.610
228	- Nguyên giá		4.474.434.419	4.470.046.919
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(699.700.190)	(656.847.309)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.393.928.836	5.283.044.171
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>5.213.922.055</b>	<b>5.714.701.896</b>
241	- Nguyên giá	11	8.971.331.075	8.789.285.521
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.757.409.020)	(3.074.583.625)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>6.396.207.541</b>	<b>12.224.004.055</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		5.499.637.541	12.024.004.055
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	896.570.000	200.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	<b>V. Lợi thế thương mại</b>		<b>559.224.246</b>	<b>639.113.424</b>
270	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.493.045.658</b>	<b>900.229.275</b>
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.493.045.658	900.229.275
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
273	3. Tài sản dài hạn khác			
280	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>208.974.465.816</b>	<b>230.870.694.848</b>

1729  
 NG TY  
 ẨM HỮU  
 TU V  
 I KẾ T  
 M TOÁ  
 NAM  
 HỒ C

V.V. - 2013





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>113.213.306.896</b>	<b>136.077.021.268</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>73.634.924.549</b>	<b>83.065.947.773</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	52.287.275.370	39.535.741.962
312	2. Phải trả người bán		2.932.976.019	9.242.141.116
313	3. Người mua trả tiền trước		3.521.127.024	7.811.301.110
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	744.657.450	1.094.935.896
315	5. Phải trả người lao động		2.585.076.705	2.901.830.469
316	6. Chi phí phải trả	16	67.938.727	279.419.200
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	10.483.674.963	20.633.598.119
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.012.198.291	1.566.979.901
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>39.578.382.347</b>	<b>53.011.073.495</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	39.578.382.347	53.011.073.495
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
400	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>74.324.146.001</b>	<b>78.384.939.686</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19.	<b>73.725.189.923</b>	<b>75.837.655.147</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			(6.094.644)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.846.385.976	3.560.398.292
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.270.641.713	2.234.821.885
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(107.371.064)	(130.410.399)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.750.062.899	15.213.469.614
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		4.965.470.399	4.965.470.399
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>598.956.078</b>	<b>2.547.284.539</b>
432	1. Nguồn kinh phí		598.956.078	2.547.284.539
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>21.437.012.919</b>	<b>16.408.733.894</b>
600	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>208.974.465.816</b>	<b>230.870.694.848</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		4.828.477.951	4.786.930.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.132.216.081	3.132.216.081
5. Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		76.180,52	20.951,48
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Trần Anh Hào



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	414.286.330.637	511.919.352.286
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.969.440.990	7.203.337.231
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	412.316.889.647	504.716.015.055
11	4. Giá vốn hàng bán	23	374.912.465.463	462.055.971.483
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.404.424.184	42.660.043.572
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.779.420.916	15.104.691.606
22	7. Chi phí tài chính	25	7.706.453.786	18.193.352.292
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.213.310.443	16.345.826.281
24	8. Chi phí bán hàng		9.840.512.858	9.385.172.423
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		19.497.607.963	20.419.802.097
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.139.270.493	9.766.408.366
31	11. Thu nhập khác		9.772.570.289	8.423.811.324
32	12. Chi phí khác		4.593.819.819	1.690.101.911
40	13. Lợi nhuận khác		5.178.750.470	6.733.709.413
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.318.020.963	16.500.117.779
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		620.278.442	1.824.107.342
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
53	17. Lợi ích của cổ đông thiểu số		2.385.363.000	2.546.454.333
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>9.312.379.521</b>	<b>12.129.556.104</b>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	26	1.862	2.426

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Trần Anh Hào

011729  
 CÔNG TY  
 TNHH HỮU  
 VU TƯ  
 HÌNH KẾ  
 KIỂM TO  
 GIÁ NẠI  
 TP. HỒ

11/1  
 C  
 N  
 /x/

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2013

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		446.333.978.961	623.513.100.667
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(357.180.216.312)	(475.310.839.995)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.180.378.666)	(20.160.653.712)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(10.204.957.762)	(16.173.765.210)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.725.835.264)	(12.466.975.723)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		29.459.184.959	15.552.829.702
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(70.957.121.990)	(140.460.471.107)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>16.544.653.926</b>	<b>(25.506.775.378)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(1.247.765.982)	(244.526.601)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		62.533.000	656.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác		(28.700.000.000)	(41.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29.000.000.000	61.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.597.540.118	14.780.091.401
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>9.712.307.136</b>	<b>35.192.382.982</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		271.384.375.188	320.486.760.594
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(283.082.114.559)	(350.071.095.517)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.609.026.000)	(6.313.968.328)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(19.306.765.371)</b>	<b>(35.898.303.251)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>6.950.195.691</b>	<b>(26.212.695.647)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>13.806.056.963</b>	<b>39.853.133.763</b>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		10.986.460	(13.491.672)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>20.767.239.114</b>	<b>13.626.946.444</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Trần Anh Hòa



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam theo Quyết định số 3587/QĐ-BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (tên giao dịch quốc tế là VIETNAM COTTON JOINT STOCK COMPANY - viết tắt là VCC) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007036: đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây lấy sợi: trồng bông vải; sản xuất giống bông, cây trồng nông nghiệp
- Sản xuất dầu mỡ động, thực vật
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, dịch vụ hỗ trợ trồng trọt khác.
- Sản xuất sợi: chế biến bông, sản phẩm bông sau thu hoạch
- Sản xuất vải dệt thoi: sản xuất sản phẩm dệt may; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sắt, thép, gang
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thiết bị phục vụ sản xuất bông
- Mua bán bông xơ, mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc vào vệ thực vật
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: dịch vụ nghiên cứu và phát triển ngành khoa học tự nhiên, công nghệ, dịch vụ nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học nông nghiệp; khoa học công nghệ vào cuộc sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp
- Bán buôn vật liệu, phụ gia ngành xây dựng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Bán buôn nấm thương phẩm như nấm linh chi, nấm mèo, nấm bào ngư và các loại nấm khác.

Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỉ đồng chẵn)

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam và báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất như sau:

	Giá trị đầu tư		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	ghi nhận tại công ty mẹ		do công ty mẹ nắm giữ	
	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND	%	%
Công ty CP Bông Tây Nguyên	5.169.025.696	5.169.025.696	54,18	54,18
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	9.715.911.780	9.715.911.780	54,04	54,04
Công ty CP Bông và KD Tổng hợp Miền Trung (*)	6.524.366.514	6.524.366.514	61,35	49,81

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung có sự thay đổi về quyền biểu quyết. Trong đó, quyền kiểm soát của Công ty mẹ bao gồm tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty con nhận đầu tư và tỉ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ ở công ty con đầu tư gián tiếp (Công ty CP Giống Cây trồng Nha Hồ)

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm thì không hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải	02 - 11 năm
+ Thiết bị công cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

Công ty kế thừa trước khi cổ phần hoá các khoản sau là tài sản cố định vô hình:

<i>Quyền sử dụng đất vô thời hạn</i>	<i>Nguyên giá</i>
+ Trạm bơm Kống Chro (Gia Lai)	224.600.000
+ Trạm bơm Trung tâm (Phan Thiết)	365.625.000
+ Trạm kiểm tra chất lượng và văn phòng công ty	1.504.225.380

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 3. TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
<b>Tiền mặt</b>	<b>3.109.779.053</b>	<b>3.074.077.584</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>13.707.460.061</b>	<b>6.982.868.860</b>
Tiền gửi VND	12.102.302.089	6.546.491.434
+ Ngân hàng Công thương	5.590.436.766	2.867.330.619
+ Ngân hàng Nông nghiệp	6.346.785.894	2.798.602.193
+ Ngân hàng Ngoại thương	28.098.912	10.218.852
+ Ngân hàng Phát triển Tp.HCM	13.746.985	13.586.348
+ Ngân hàng An Bình	1.096.696	1.079.026
+ Ngân hàng Đông Á	40.369.798	2.171.841
+ Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN	3.061.549	1.171.549
+ Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL	52.213.634	819.075.559
+ Ngân hàng Á Châu	9.802.110	3.884.341
+ Ngân hàng Đầu tư Phát triển	16.689.745	29.371.106
Tiền gửi ngoại tệ	1.605.157.972	436.377.426
+ Ngân hàng Công thương	1.556.555.651	388.686.929
+ Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN	23.809	23.536
+ Ngân hàng Nông nghiệp	45.278.313	44.700.221
+ Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL	3.300.199	2.966.740
<b>Tương đương tiền</b>	<b>3.950.000.000</b>	<b>3.570.000.000</b>
+ Ngân hàng Công thương	3.200.000.000	2.600.000.000
+ Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL		
+ Ngân hàng Nông nghiệp		
+ Ngân hàng Ngoại thương	750.000.000	970.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.767.239.114</b>	<b>13.626.946.444</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
<b>Cộng</b>		

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<b>5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>		
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.783.404.000	1.101.702.000
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	11.626.739.851	19.139.278.961
<b>Cộng</b>	<b><u>13.410.143.851</u></b>	<b><u>20.240.980.961</u></b>
<b>6. HÀNG TỒN KHO</b>		
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	19.010.469.744	31.881.952.303
- Công cụ, dụng cụ	2.722.166.737	1.638.130.837
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.263.900.862	1.990.582.436
- Thành phẩm	8.734.897.965	26.770.572.890
- Hàng hóa	11.704.520.714	7.981.758.337
- Hàng gửi đi bán	1.950.477.332	3.202.510.450
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>45.386.433.354</u></b>	<b><u>73.465.507.253</u></b>
	<b>103.415.906</b>	
<b>7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.715.944.780	3.047.242.595
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa		
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	32.748.983	
<b>Cộng</b>	<b><u>3.748.693.763</u></b>	<b><u>3.047.242.595</u></b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 8. TĂNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	58.408.223.388	86.715.324.078	12.248.344.101	994.492.650		158.366.384.217
Số tăng trong năm	2.049.445.118	3.582.271.431	1.807.916.785	51.868.181		7.491.501.515
- Mua trong năm		829.890.478	1.026.094.091			1.855.984.569
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.809.703.918					1.809.703.918
- Tặng từ Cty CP Bông và KDTH Miền Trung	239.741.200	2.752.380.953	781.822.694			3.773.944.847
- Tặng khác				51.868.181		51.868.181
Số giảm trong năm	147.765.975	579.935.034	774.491.741	875.331.742		2.377.524.492
- Thanh lý, nhượng bán		225.110.000	550.000.000			775.110.000
- Phân loại lại tài sản	147.765.975	354.825.034	224.491.741	875.331.742		1.602.414.492
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>60.309.902.531</b>	<b>89.717.660.475</b>	<b>13.281.769.145</b>	<b>171.029.089</b>		<b>163.480.361.240</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	42.067.892.788	66.636.789.257	8.588.001.879	724.048.266		118.016.732.190
Số tăng trong năm	2.476.142.298	4.427.813.302	1.343.527.832	124.198.251		8.371.681.683
- Khấu hao trong năm	2.452.168.102	1.810.035.495	657.945.223	124.198.251		5.044.347.071
- Tặng từ Cty CP Bông và KDTH Miền Trung	23.974.196	2.617.777.807	685.582.609			3.327.334.612
Số giảm trong năm	140.053.186	514.175.409	642.136.539	687.108.089		1.983.473.223
- Thanh lý, nhượng bán		225.110.000	449.166.667			674.276.667
- Phân loại lại tài sản	140.053.186	289.065.409	192.969.872	687.108.089		1.309.196.556
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.403.981.900</b>	<b>70.550.427.150</b>	<b>9.289.393.172</b>	<b>161.138.428</b>		<b>124.404.940.650</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	16.340.330.600	20.078.534.821	3.660.342.222	270.444.384		40.349.652.027
Tại ngày cuối năm	15.905.920.631	19.167.233.325	3.992.375.973	9.890.661		39.075.420.590

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

6.249.879.000  
20.119.169.365  
75.000.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

### 9. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	4.470.046.919				4.470.046.919	
Số tăng trong năm	4.387.500				4.387.500	
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác	4.387.500				4.387.500	
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	4.474.434.419				4.474.434.419	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	656.847.309				656.847.309	
Số tăng trong năm	42.852.881				42.852.881	
- Khấu hao trong năm	42.852.881				42.852.881	
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	699.700.190				699.700.190	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	3.813.199.610				3.813.199.610	
Tại ngày cuối năm	3.774.734.229				3.774.734.229	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
+ Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.237.818.619
+ Thẩm định giá đất Bình Dương	149.380.000	149.380.000
+ Đất Phan Thiết (Phạm Ngọc Thạch)		54.972.364
+ San lấp mặt bằng trạm Long Thành	638.379.635	
+ 02 căn hộ chung cư	3.133.948.282	2.840.873.188
+ Công trình khác	234.052.300	
<b>Cộng</b>	<b>6.393.928.836</b>	<b>5.283.044.171</b>

### 11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>8.789.285.521</b>	<b>211.993.173</b>	<b>29.947.619</b>	<b>8.971.331.075</b>
Nhà	8.201.140.030	211.993.173	29.947.619	8.383.185.584
Cơ sở hạ tầng	588.145.491			588.145.491
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>3.074.583.625</b>	<b>712.773.014</b>	<b>29.947.619</b>	<b>3.757.409.020</b>
Nhà	2.877.506.831	667.205.610	29.947.619	3.514.764.822
Cơ sở hạ tầng	197.076.794	45.567.404		242.644.198
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>5.714.701.896</b>			<b>5.213.922.055</b>
Nhà	5.323.633.199			4.868.420.762
Cơ sở hạ tầng	391.068.697			345.501.293

### 12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		200.000.000		200.000.000
+ Cty CP Bông vải Miền Bắc	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
- Đầu tư trái phiếu				
- Đầu tư dài hạn khác		696.570.000		
<b>Cộng</b>		<b>896.570.000</b>		<b>200.000.000</b>

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
- Chi phí trả trước dài hạn	1.493.045.658	900.229.275
<b>Cộng</b>	<b>1.493.045.658</b>	<b>900.229.275</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
- Vay ngắn hạn (*)	52.287.275.370	39.535.741.962
+ Ngân hàng Công thương	2.919.722.305	4.751.400.000
+ Chi nhánh công ty tài chính dệt may	38.186.866.594	19.924.341.962
+ Ngân hàng NN & PTNT	11.180.686.471	14.860.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
<b>Cộng</b>	<b>52.287.275.370</b>	<b>39.535.741.962</b>

(\*) Chi tiết hợp đồng vay

Đối tượng cho vay	Ngân hàng Công thương	CN Công ty Tài chính dệt may	NH Nông nghiệp & PTNT
Hợp đồng	Số 21/HĐTD ngày 11/06/2013	Số 09/2013/HĐKT-NH ngày 24/4/2013	26/04/CPG-HĐTD ngày 26/4/2013
Hạn mức	130.000.000.000 VND	40.000.000.000 VND	15.000.000.000 VND
Tài sản đảm bảo	Tài sản cố định	Tín chấp	Tài sản

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
- Thuế giá trị gia tăng	189.903.829	577.108.213
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	293.425.364	223.745.382
- Thuế thu nhập cá nhân	261.328.257	294.082.301
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>744.657.450</b>	<b>1.094.935.896</b>

### 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
- Chi phí bốc vác		28.989.900
- Chi phí vận chuyển		60.238.500
- Các khoản trích trước vào thành phẩm		32.211.000
- Chi phí phải trả khác	67.938.727	157.979.800
<b>Cộng</b>	<b>67.938.727</b>	<b>279.419.200</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
- Tài sản thừa chờ xử lý	22.322.739	22.066.350
- Kinh phí công đoàn	21.130.000	
- Bảo hiểm xã hội	1.364.418	96.890.688
- Bảo hiểm y tế		16.126.920
- Bảo hiểm thất nghiệp		6.478.939
- Phải trả về cổ phần hóa	123.027.308	123.027.308
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		43.845.409
- Doanh thu chưa thực hiện		20.325.162.505
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.315.830.498	
<b>Cộng</b>	<b>10.483.674.963</b>	<b>20.633.598.119</b>



### 18. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
<b>Vay dài hạn</b>	<b>39.578.382.347</b>	<b>53.011.073.495</b>
- Vay ngân hàng	39.578.382.347	53.011.073.495
+ Kho bạc Daklak		24.500.000
+ Quỹ hỗ trợ phát triển Daklak	13.274.894.000	14.274.894.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (**)	26.303.488.347	38.711.679.495
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
<b>Nợ dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>39.578.382.347</b>	<b>53.011.073.495</b>

P. HỒ CHÍ MINH

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(78.729.692)</b>	<b>(351.037)</b>	<b>4.965.470.399</b>	<b>19.024.715.219</b>	<b>1.045.031.417</b>	<b>214.309.100</b>	
Tăng vốn trong kì trước								
Lãi trong kì trước					12.129.556.104			
Tăng khác		199.076.704			298.950.316	2.515.366.874	2.020.512.784	
Giảm vốn trong kì trước								
Chia cổ tức					10.000.000.000			
Trích quỹ từ lợi nhuận					1.158.612.599			
Giảm khác		250.757.411	5.743.607		5.081.139.425			
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(130.410.400)</b>	<b>(6.094.644)</b>	<b>4.965.470.399</b>	<b>15.213.469.616</b>	<b>3.560.398.291</b>	<b>2.234.821.885</b>	
Tăng vốn trong kì này								
Lãi trong kì này								
Tăng do trích từ lợi nhuận		142.672.320				285.987.684	35.819.828	
Tăng khác		10.102.247	6.094.644		279.459.333			
Giảm vốn trong kì này								
Chia cổ tức					9.825.204.000			
Trích quỹ từ lợi nhuận					1.921.951.448			
Giảm khác		129.735.232			308.090.122			
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(107.371.063)</b>		<b>4.965.470.399</b>	<b>12.750.062.899</b>	<b>3.846.385.975</b>	<b>2.270.641.712</b>	





TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 115-17 Đường D2, Quận Bình Thạnh – Tp.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

### 19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của Nhà nước	31/12/2013	%	01/01/2013	%
Vốn góp của các đối tượng khác	27.500.000.000	55%	27.500.000.000	55%
	22.500.000.000	45%	22.500.000.000	45%
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

- Số lượng cổ phiếu quỹ

### 19. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Vốn góp đầu kì
- Vốn góp tăng trong kì
- Vốn góp giảm trong kì
- Vốn góp cuối kì
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay	Năm trước
50.000.000.000	50.000.000.000
50.000.000.000	50.000.000.000
9.825.204.000	10.000.000.000

### 19. d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi

Năm nay	Năm trước
5.000.000	5.000.000
5.000.000	5.000.000
5.000.000	5.000.000

5.000.000	5.000.000
5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng/ cổ phiếu



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng	398.728.606.665	494.185.352.833
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.557.723.972	17.733.999.453
<b>Cộng</b>	<b>414.286.330.637</b>	<b>511.919.352.286</b>

### 21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
Chiết khấu thương mại		209.460.000
Giảm giá hàng bán	66.209.000	60.293.854
Hàng bán bị trả lại	1.903.231.990	6.933.583.377
<b>Cộng</b>	<b>1.969.440.990</b>	<b>7.203.337.231</b>

### 22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	396.759.165.675	486.982.015.602
Doanh thu thuần dịch vụ	15.557.723.972	17.733.999.453
<b>Cộng</b>	<b>412.316.889.647</b>	<b>504.716.015.055</b>

### 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của hàng hóa đã bán	286.252.635.827	294.630.553.569
Giá vốn của thành phẩm đã bán	84.570.569.177	157.611.073.289
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.077.075.952	4.525.536.038
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.987.815.493)	5.288.808.587
<b>Cộng</b>	<b>374.912.465.463</b>	<b>462.055.971.483</b>

### 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.125.309.283	7.907.371.971
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	133.064.000	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.075.204.000	5.720.084.000
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.404.387	32.331.241
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.986.460	
- Lãi bán hàng trả chậm	423.452.786	1.444.904.394
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>6.779.420.916</b>	<b>15.104.691.606</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
- Lãi tiền vay	6.296.033.465	16.345.826.281
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	106.795.929	943.842.781
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.114.621.663	903.683.230
- Chi phí tài chính khác	189.002.729	
<b>Cộng</b>	<b>7.706.453.786</b>	<b>18.193.352.292</b>

### 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2013	Năm 2012
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	9.312.379.521	12.129.556.104
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.862	2.426

### 27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 27.1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Sợi Phú Bài	Công ty liên kết

*Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Trả cổ tức	4.125.000.000
Công ty CP Sợi Phú Bài	Nhận cổ tức	2.750.000.000

#### 27.2. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm 2012 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Trần Anh Hào